

Số: 330/QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày 12 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính ban hành mới
trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Tài nguyên và Môi trường**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 30/TTr-STNMT-KSNKTTVBĐKH ngày 11/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới trong lĩnh vực khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- Công TTĐT tỉnh, Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Trung tâm CNTT&DVHCCTT tỉnh;
- Trung tâm PVHCCC tỉnh;
- Trung tâm Công báo;
- Lưu: VT, LH, PT.

12

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI TRONG LĨNH VỰC KHOÁNG SẢN
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013321	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	Lệ phí : 15.000.000 Đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXDTT có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm) Lệ phí : 20.000.000 Đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXDTT có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXDTT có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Biểu mức thu này) Lệ phí : 30.000.000 Đồng (Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m3/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại điểm 1 của Biểu mức thu này)	phủ; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
02	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013322	Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	Lệ phí : 15.000.000 Đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXDĐT có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m3/năm) Lệ phí : 20.000.000 Đồng (Giấy phép khai thác khoáng sản	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
03	<p>Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.</p> <p>Mã TTHC: 1.013323</p>	<p>Đối với tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 23 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>Đối với tổ chức quy định tại khoản 2 Điều 72 của Luật Địa chất và khoáng sản: Trong thời hạn không quá 13 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>Không đồng</p>	<p>Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</p> <p>Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
04	<p>Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản nhóm IV.</p> <p>Mã TTHC: 1.013324</p>	<p>Trong thời hạn không quá 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa</p>	<p>Không đồng</p>	<p>Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;</p> <p>Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;</p> <p>Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>phủ; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>
05	Chấp thuận khảo sát, đánh	Trong thời hạn không quá 09 ngày làm việc kể	Trung tâm phục vụ hành	Không đồng	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p> <p>Mã TTHC: 1.013326</p>	<p>từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p>chính công tỉnh Khánh Hòa</p>		<p>29/11/2024; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ; Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 01/2025/TT-</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
06	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV. Mã TTHC: 1.013325	Trong thời hạn không quá 17 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Khánh Hòa	Không đồng	Luật Địa chất và khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2025 của Chính phủ; Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					<p>ngày 06/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 15/01/2025 của Chính phủ;</p> <p>Thông tư số 10/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;</p> <p>Thông tư số 01/2025/TT-BTNMT ngày 15/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường</p> <p>Quyết định số 270/QĐ-BTNMT ngày 21/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>